

Số: **355/QĐ-UBND**

Bình Định, ngày **02** tháng 02 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Định

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 24/TTr-SLĐTBXH ngày 30/01/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Định theo Quyết định số 1593/QĐ-LĐTBXH ngày 10/10/2017 và Quyết định số 1872/QĐ-LĐTBXH ngày 04/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (*Phụ lục 1 kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ các thủ tục hành chính đã công bố tại Quyết định số 2343/QĐ-UBND ngày 07/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định (*Phụ lục 2 kèm theo*).

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

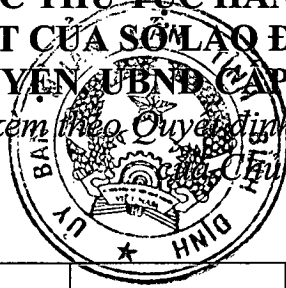
- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- TT Công báo, TT Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, P.KSTTHC.



**CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Cao Thắng

Phụ lục 1
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI,
UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 355 /QĐ-UBND ngày 02/02/2018
của Chủ tịch UBND tỉnh)



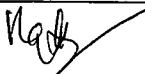
TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH				
I	Lĩnh vực An toàn lao động				
1	Khai báo đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	Không quá 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Sở LĐ-TB&XH, số 72B đường Tây Sơn, thành phố Quy Nhơn	Không	- Căn cứ Luật an toàn, vệ sinh lao động ngày 25/6/2015; - Căn cứ Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ. - Căn cứ Thông tư số 16/2017/TT-LĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
II	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội				
1	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.	05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Sở LĐ-TB&XH, số 72B đường Tây Sơn, thành phố Quy Nhơn	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.
2	Đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.	05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Sở LĐ-TB&XH, số 72B đường Tây Sơn, thành phố Quy Nhơn	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.

Ngô
2

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
3	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.	15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Sở LĐ-TB&XH, số 72B đường Tây Sơn, thành phố Quy Nhơn	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.
4	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.	15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Sở LĐ-TB&XH, số 72B đường Tây Sơn, thành phố Quy Nhơn	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.
5	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội cấp.	15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Sở LĐ-TB&XH, số 72B đường Tây Sơn, thành phố Quy Nhơn	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.
6	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh.	32 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	UBND cấp xã	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.
7	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh.	Tiếp nhận ngay các đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở. Các thủ tục, hồ sơ phải hoàn thiện trong 10 ngày làm việc, kể từ khi tiếp nhận đối tượng. Trường hợp kéo dài quá 10 ngày làm việc, phải do cơ	Cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.

Ng 3

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		quan quản lý cấp trên xem xét quyết định			
8	Tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh.	Theo thoả thuận	Cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	Theo quy định	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.
9	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh.	07 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.
B THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN					
Lĩnh vực Bảo trợ Xã hội					
1	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.	05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Phòng LĐ-TB&XH cấp huyện	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.
2	Đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.	05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Phòng LĐ-TB&XH cấp huyện	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.
3	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.	15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Phòng LĐ-TB&XH cấp huyện	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.
4	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc	15 ngày làm việc kể từ khi nhận	Phòng LĐ-TB&XH cấp huyện	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017

 4

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	thẩm quyền cấp phép của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội.	được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ			của Chính phủ.
5	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội cấp.	15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Phòng LĐ-TB&XH cấp huyện	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.
6	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện.	32 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	UBND cấp xã	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.
7	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện.	Tiếp nhận ngay các đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở. Các thủ tục, hồ sơ phải hoàn thiện trong 10 ngày làm việc, kể từ khi tiếp nhận đối tượng. Trường hợp kéo dài quá 10 ngày làm việc, phải do cơ quan quản lý cấp trên xem xét quyết định	Cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.
8	Tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện.	Theo thỏa thuận	Cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	Theo quy định	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.

Nguyễn 5

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
9	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện.	07 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.
C	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ				
	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội				
1	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn.	10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	UBND cấp xã	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.

Nguy

Phụ lục 2
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC
BẢO TRỢ XÃ HỘI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI,
UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 355 /QĐ-UBND ngày 02/02/2018
Hàng Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Cơ quan thực hiện
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH			
1	T-BDI-281798-TT	Cấp giấy phép hoạt động cơ sở chăm sóc người khuyết tật, cơ sở chăm sóc người cao tuổi đối với cơ sở thuộc cấp tỉnh quản lý.	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội
2	T-BDI-281799-TT	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép cơ sở chăm sóc người khuyết tật, cơ sở chăm sóc người cao tuổi do cấp tỉnh quản lý.	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội
3	T-BDI-281786-TT	Thủ tục tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội	UBND cấp xã; UBND cấp huyện; Sở LĐTBXH.
4	T-BDI-281787-TT	Thủ tục tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội đối với đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động,	UBND cấp xã; UBND cấp huyện; Sở LĐTBXH.

7

			giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội	
5	T-BDI-281788-TT	Thủ tục tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội đối với đối tượng tự nguyện	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội	Người đứng đầu cơ sở BTXH.
II THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN				
1	T-BDI-281946-TT	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội.	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội	UBND cấp xã; UBND cấp huyện; Sở LĐTBXH.
2	T-BDI-281947-TT	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội	UBND cấp xã; UBND cấp huyện; Sở LĐTBXH.
3	T-BDI-281948-TT	Tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội	Người đứng đầu cơ sở BTXH
4	T-BDI-281957-TT	Cấp giấy phép hoạt động cơ sở chăm sóc người khuyết tật, người cao tuổi thuộc trách nhiệm quản lý cấp huyện.	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động,	Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội

			giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội	
5	T-BDI-281958-TT	Cấp lại giấy phép chăm sóc người khuyết tật, người cao tuổi thuộc trách nhiệm quản lý cấp huyện.	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội	Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội

Nguyễn